



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến ngày 30/09/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018 VND	01/07/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		961.466.360.348	1.053.716.011.181
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.969.118.170	65.931.913.141
1. Tiền	111		19.969.118.170	6.892.826.568
- Tiền mặt tại quỹ			1.924.180.820	1.102.680.682
- Tiền gửi ngân hàng			18.044.937.350	5.790.145.886
- Tiền đang chuyển			-	-
4. Các khoản tương đương tiền	112		-	59.039.086.573
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	10.000.000.000	12.696.627.016
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	12.696.627.016
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		795.564.362.806	804.789.580.071
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	642.736.457.025	726.252.594.569
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		150.846.332.229	46.631.992.645
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.109.055.417	35.371.207.207
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(18.127.481.865)	(3.466.214.350)
IV. Hàng tồn kho	140	9	115.746.419.971	159.074.837.279
1. Hàng tồn kho	141		115.746.419.971	159.074.837.279
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.186.459.401	11.223.053.674
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.695.612.614	8.921.389.499
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		490.846.787	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	2.301.664.175
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		931.263.855.482	882.588.081.049
II. Tài sản cố định	220		348.582.812.275	354.406.551.023
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	259.272.030.237	265.058.623.114
- Nguyên giá	222		278.596.412.383	304.676.644.089
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.324.382.146)	(39.618.020.975)
2. Tài sản cố định vô hình	227		89.310.782.038	89.347.927.909
- Nguyên giá	228		89.347.927.909	89.347.927.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.145.871)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.316.210.234	2.373.405.234
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.316.210.234	2.373.405.234
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	284.179.484.652	213.090.635.589
0. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		28.281.319.529	27.107.655.189
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		295.089.294.645	295.089.294.645
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(39.191.129.522)	(109.106.314.245)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		296.185.348.321	312.717.489.203
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		296.185.348.321	312.717.489.203
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.892.730.215.830	1.936.304.092.230

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/07/2018
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.101.045.370.178	1.167.909.633.255
I. Nợ ngắn hạn	310		782.929.944.905	890.221.327.982
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	101.534.290.023	196.723.368.078
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		87.900.562.535	90.418.423.490
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.107.433.668	814.673.601
4. Phải trả người lao động	314		875.470.348	45.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		43.520.000	74.103.040
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	8.565.840.652	2.908.484.576
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	576.954.062.482	594.288.510.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.948.765.197	4.948.765.197
II. Nợ dài hạn	330		318.115.425.273	277.688.305.273
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	314.041.440.000	273.614.320.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4.073.985.273	4.073.985.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		791.684.845.652	768.394.458.975
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	791.684.845.652	768.394.458.975
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.761.921.400	9.761.921.400
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91.878.828.215	68.578.922.350
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		45.816.770.308	45.810.292.800
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.062.057.907	22.768.629.550
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(6.083.963)	3.435.225
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.892.730.215.830	1.936.304.092.230

Hải Phòng, Ngày 20/10/2018

Người lập

Nguyễn Thị Thùy

Kế toán trưởng

Bùi Thị Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Fạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	VND		MÃ SỐ B 02-DN Đơn vị: VND
			Quý III/2018	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	424.030.859.323	424.030.859.323	2.675.893.790.088
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		33.112.352	33.112.352	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		423.997.746.971	423.997.746.971	2.675.893.790.088
4. Giá vốn hàng bán	11	17	420.739.124.280	420.739.124.280	2.523.303.999.637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.258.622.691	3.258.622.691	152.589.790.451
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	6.626.644.183	6.626.644.183	8.701.507.754
7. Chi phí tài chính	22	19	(46.138.185.378)	(46.138.185.378)	30.989.036.605
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.678.344.468	19.678.344.468	44.129.559.358
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.173.664.340	1.173.664.340	-
9. Chi phí bán hàng	25	20	3.369.983.161	3.369.983.161	19.030.813.192
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	26.118.745.524	26.118.745.524	25.729.782.479
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		27.708.387.907	27.708.387.907	85.541.665.929
12. Thu nhập khác	31		21.049.687	21.049.687	3.373.952.513
13. Chi phí khác	32		29.953.074	29.953.074	2.639.796.026

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

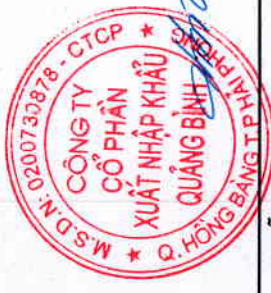
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(8.903.387)	(8.903.387)	276.382.370	734.156.487
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	27.699.484.520	27.699.484.520	29.088.907.041	86.275.822.416
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	4.409.097.843	4.409.097.843	6.012.063.137	18.556.799.150
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	23.290.386.677	23.290.386.677	23.076.843.904	67.719.023.266
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	23.299.905.865	23.299.905.865	22.074.839.648	67.809.967.527
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	(9.519.188)	(9.519.188)	1.002.004.256	(90.944.261)

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

(Handwritten signature)

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Ngày 20/10/2018



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MÃ SỐ B 03-DN	
			Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017
			Đơn vị: VND	
			VND	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.699.484.520	86.275.822.416
5. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		6.216.005.825	17.225.056.038
- Các khoản dự phòng	03		(55.253.917.208)	(17.197.297.149)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	154.998.835
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.280.129.653)	(1.469.272.145)
- Chi phí lãi vay	06		19.678.344.468	44.129.559.358
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
10 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.940.212.048)	129.118.867.353
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.591.574.745)	(84.294.146.027)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		43.328.417.308	(83.033.115.525)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(92.064.369.227)	(38.173.436.788)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.757.917.767	24.353.307.168
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.678.344.468)	(45.003.495.568)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(822.704.507)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(81.188.165.413)	(97.854.723.894)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.338.165.888)	(33.448.278.565)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.245.818.182	17.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.075.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.499.713.247	7.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	24.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.725.332.419	4.951.904.793
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.132.697.960	9.428.626.228
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	(248.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33		23.092.672.482	1.775.089.595.716
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.922.282.925.681)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		23.092.672.482	(147.441.329.965)

0731
ĐNG
Ổ PH
I NH
UANG
BANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 03-DN	
			Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017
			Đơn vị: VND	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(45.962.794.971)	(235.867.427.631)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		65.931.913.141	254.451.111.627
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>19.969.118.170</u>	<u>18.583.683.996</u>

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Ngày 20/10/2018

37
 TY
 AN
 PK
 BINH
 T.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ k

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm về phân bón và hóa chất. Trong đó, hoạt động xuất khẩu DAP của Công ty chiếm 60% sản lượng xuất khẩu của cả nước, đồng thời, hoạt động nhập khẩu, phân phối Lưu huỳnh, axit Sulfuric của Công ty cũng chiếm 40%-50% thị phần tại Việt Nam. Ngoài ra, Công ty đã mở rộng đầu tư nhà máy sản xuất phân bón NPK với công suất 80.000 tấn/năm. Đồng thời, đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi ngoại quan, cảng ICD Quảng Bình - Đình Vũ với tổng diện tích 18ha tại Khu Công nghiệp Đình Vũ. Đây là cảng cạn đầu tiên của Hải Phòng và là một trong những cảng cạn lớn nhất khu vực phía Bắc, vừa có kết nối đường biển, vừa có kết nối với đường bộ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 1 Công ty
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: Không có

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2018 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát	Hải Phòng	99,00%	99,00%	Sản xuất phân bón

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

MÃU SỐ B 09-DN

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2018 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Hà Nội	36,29%	39,29%	Thương mại hóa chất

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó..

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

MẪU SỐ B 09-DN

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

007
CÔNG
CỔ P
T NH
QUẢN
BẢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

MÃU SỐ B 09-DN

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

108
T
HAI
P
BII
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

MÃ SỐ B 09-DN

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

MÃU SỐ B 09-DN

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính hoặc tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

MÃ SỐ B 09-DN

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: ... %

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2007
CÔNG
CỔ
QUẢN
LÝ
QUẢN
LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

MÃU SỐ B 09-DN

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018
Mẫu số B 09-DN

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán phát sinh trong kỳ bao gồm: ... [nếu có]

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

9-C
HAI
NH
HAI

Phu

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018**MÃ SỐ B 09-DN**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2018</u>	<u>01/07/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.924.180.820	1.102.680.682
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.044.937.350	5.790.145.886
Các khoản tương đương tiền	-	59.039.086.573
	<u>19.969.118.170</u>	<u>65.931.913.141</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2018		01/07/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	12.696.627.016	12.696.627.016
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	12.696.627.016	12.696.627.016
	10.000.000.000	10.000.000.000	12.696.627.016	12.696.627.016

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2018		01/07/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	106.881.626.363	28.281.319.529	105.881.626.363	26.107.655.189
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105.881.626.363	27.281.319.529	105.881.626.363	26.107.655.189
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	295.089.294.645	255.898.165.123	295.089.294.645	185.982.980.400
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	295.089.294.645	255.898.165.123	295.089.294.645	185.982.980.400
	401.970.921.008	284.179.484.652	400.970.921.008	212.090.635.589
				(109.106.314.245)
				(109.106.314.245)

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: xem chi tiết tại Thuyết minh số .

17/09/2018
T. NH
U. AN
P. AN
200

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

MÃU SỐ B 09-DN**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	7.540.631.448	7.540.631.448
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy	173.332.782.139	344.084.571.772
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	32.204.790.738	32.204.790.738
Công ty Sw Intertrade Trading	79.851.295.020	78.876.903.148
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	47.852.914.588	59.990.914.588
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	116.907.512.791	100.848.798.791
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	167.413.407.959	62.683.995.095
Các khoản phải thu khách hàng khác	17.633.122.342	40.021.988.989
	642.736.457.025	726.252.594.569

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2018		01/07/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	280.230.565	-	725.433.331	-
Lãi ứng trước tiền hàng cho DAP2 - Vinachem	6.290.512.970	-	6.290.512.970	-
Tạm ứng	1.880.883.406	-	10.438.866.579	-
Ký cược, ký quỹ	11.573.668.452	-	15.793.143.394	-
Cho mượn	-	-	-	-
Phải thu khác	83.760.024	-	123.250.933	-
	20.109.055.417	-	35.371.207.207	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2018		01/07/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.177.499.554	-	25.069.720.995	-
Công cụ, dụng cụ	120.000.660	-	113.545.357	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.590.835.486	-	10.336.692.744	-
Thành phẩm	44.030.765.231	-	33.466.619.279	-
Hàng hoá	42.827.319.040	-	90.088.258.904	-
	115.746.419.971	-	159.074.837.279	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN****10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Tại ngày 01/07/2018	204.878.661.027	68.860.699.943	26.944.195.481	3.993.087.638	-	-	-	-	-	304.676.644.089	
Mua sắm	-	429.412.954	-	-	-	-	-	-	-	429.412.954	
Giảm khác	(16.371.722.528)	(7.315.708.607)	(2.152.809.248)	(669.404.477)	-	-	-	-	-	(26.509.644.660)	
Tại ngày 30/09/2018	188.506.938.699	61.974.404.290	24.791.386.233	3.323.683.161	-	-	-	-	-	278.596.412.383	
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/07/2018	23.665.768.408	7.706.302.103	7.000.899.459	1.245.051.011	-	-	-	-	-	39.618.020.981	
Trích khấu hao	4.181.225.010	1.197.010.016	708.396.297	129.374.496	-	-	-	-	-	6.216.005.819	
Giảm khác	(16.371.722.528)	(7.315.708.607)	(2.152.809.248)	(669.404.477)	-	-	-	-	-	(26.509.644.660)	
Tại ngày 30/09/2018	11.475.271.090	1.587.603.512	5.556.486.508	705.021.030	-	-	-	-	-	19.324.382.140	
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/07/2018	181.212.892.619	61.154.397.840	19.943.296.022	2.748.036.627	-	-	-	-	-	265.058.623.108	
Tại ngày 30/09/2018	177.031.667.609	60.386.800.778	19.234.899.725	2.618.662.131	-	-	-	-	-	259.272.030.243	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018**MÃU SỐ B 09-DN****11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2018		01/07/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hoá chất	3.367.679.677	3.367.679.677	8.100.515.739	8.100.515.739
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	-	-	16.518.000.000	16.518.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư Sao Thái Dương	39.670.182.567	39.670.182.567	29.060.532.567	29.060.532.567
Công ty Cổ phần DAP 2 - Vinachem	13.368.332.250	13.368.332.250	-	-
Fagro International Trading Fze	21.618.291.282	21.618.291.282	25.056.476.456	25.056.476.456
Sun International Fze	-	-	55.188.000.000	55.188.000.000
Các khoản phải trả khác	23.509.804.247	23.509.804.247	62.799.843.316	62.799.843.316
	101.534.290.023	101.534.290.023	196.723.368.078	196.723.368.078

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	814.673.601	1.099.637.131	1.914.310.732	-
Thuế GTGT hàng NK	-	200.281.702	200.281.702	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	1.509.859.563	1.509.859.563	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.301.664.175)	4.409.097.843	-	2.107.433.668
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	292.000	292.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	-	-
	(1.486.990.574)	7.219.168.239	3.624.743.997	2.107.433.668

13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2018	01/07/2018
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	87.771.476	101.713.184
Bảo hiểm xã hội	74.689.014	74.347.981
Bảo hiểm y tế	11.673.630	21.582.019
Bảo hiểm thất nghiệp	5.103.108	9.662.951
Phải trả theo hợp đồng ủy thác xuất nhập khẩu	8.386.603.424	2.701.178.441
	8.565.840.652	2.908.484.576

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/07/2018		Trong kỳ		30/09/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	395.600.000.000	395.600.000.000	-	-	395.600.000.000	395.600.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng	52.037.470.000	52.037.470.000	17.498.320.000	20.035.790.000	49.500.000.000	49.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Tpbank - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank) - Chi nhánh Hải Phòng	2.250.000.000	2.250.000.000	1.250.000.000	854.200.000	2.645.800.000	2.645.800.000
- Techcombank - CN Hải Phòng (Cực cont)	-	-	3.144.602.482	-	3.144.602.482	3.144.602.482
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	11.482.965.000	11.482.965.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	187.320.000	187.320.000	-	93.660.000	93.660.000	93.660.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	11.940.000.000	11.940.000.000	-	5.970.000.000	5.970.000.000	5.970.000.000
	582.014.790.000	582.014.790.000	33.375.887.482	38.436.615.000	576.954.062.482	576.954.062.482

3 BẢNG
20073
CÔNG
CỔ P
ẤT NH
QUẢNG
B

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn				
Vay dài hạn				
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn	111.810.000.000	111.810.000.000	28.190.000.000	140.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh	374.640.000	374.640.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt	173.300.000.000	173.300.000.000	-	374.640.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt -	403.400.000	403.400.000	-	173.300.000.000
	285.888.040.000	285.888.040.000	28.190.000.000	366.800.000
	285.888.040.000	285.888.040.000	28.190.000.000	314.041.440.000

Handwritten mark

ST.P
3 B
IP K
HÀN
TY
082

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018
MÃU SỐ B 09-DN**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	417.901.261.854	417.901.261.854
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.883.779.287	2.883.779.287
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	3.245.818.182	3.245.818.182
	424.030.859.323	424.030.859.323

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	19.405.768.134	19.405.768.134
Giá vốn của hàng hóa đã bán	381.759.777.526	381.759.777.526
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.309.578.620	16.309.578.620
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư đã bán	3.264.000.000	3.264.000.000
	420.739.124.280	420.739.124.280

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	801.008.403	801.008.403
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	20.052.000	20.052.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.479.121.250	5.479.121.250
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	326.462.530	326.462.530
	6.626.644.183	6.626.644.183

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.678.344.468	19.678.344.468
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.014.832.517	1.014.832.517
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.083.745.360	3.083.745.360
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(69.915.184.723)	(69.915.184.723)
Chi phí tài chính khác	77.000	77.000
	(46.138.185.378)	(46.138.185.378)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018

MẪU SỐ B 09-DN**20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.500.000	49.500.000
Chi phí nhân công	250.314.645	250.314.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.259.217	71.259.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.969.603.166	2.969.603.166
Chi phí khác bằng tiền	29.306.133	29.306.133
	3.369.983.161	3.369.983.161

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018	Từ 01/07/2018 đến 30/09/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	366.974.055	366.974.055
Chi phí nhân công	861.657.881	861.657.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.453.460.396	7.453.460.396
Thuế, phí, lệ phí	292.000	292.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	14.661.267.515	14.661.267.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.277.685.806	2.277.685.806
Chi phí khác bằng tiền	497.407.871	497.407.871
	26.118.745.524	26.118.745.524



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018
MẪU SỐ B 09-DN

22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty nắm quyền chi phối Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long (Công ty con) tại ngày 01/07/2018. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến 30/09/2018 là Báo cáo tài chính hợp nhất đầu tiên được lập. Do đó, Số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ của Báo cáo này là số liệu không có giá trị để so sánh.

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Ngày 20/10/2018

